

UBND TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 102/2020/TT-BTC	Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang			Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang			Thông tư số 87/2025/TT-BTC	Mức chi dự kiến		Thuyết minh
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	MỨC CHI TẠI ĐỊA PHƯƠNG												
1	Chi tổ chức hội nghị												
a	Mức chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC	Thực hiện theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang			Thực hiện theo Mục 2 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang			Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thực hiện theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày .../.../2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh		Hiện nay Sở Tài chính đang xây dựng dự thảo Nghị quyết để trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, do đó sẽ cập nhật sau khi HĐND tỉnh ban hành
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC	Thực hiện theo Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Hà Giang			Thực hiện theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Tuyên Quang			Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thực hiện theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày .../.../2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định mức chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức (cập nhật sau khi HĐND tỉnh ban hành)		Hiện nay Sở Tài chính đang dự kiến xây dựng dự thảo Nghị quyết để trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, do đó sẽ cập nhật sau khi HĐND tỉnh ban hành
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp												
a	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội nghị hiệp thương												Xây dựng theo nguyên tắc mức chi cấp tỉnh bằng mức tối đa tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC (tương tự mức chi năm 2021), cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
-	Chủ trì cuộc họp	đồng /người /buổi	200.000	200.000	160.000	120.000	200.000	150.000	100.000	500.000	500.000	250.000	
-	Thành viên tham dự	đồng /người /buổi	100.000	100.000	80.000	60.000	100.000	70.000	50.000	200.000	200.000	100.000	
-	Các đối tượng phục vụ	đồng /người /buổi	50.000	50.000	40.000	30.000	60.000	50.000	40.000	100.000	100.000	50.000	
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử												Xây dựng theo nguyên tắc bằng cấp tỉnh bằng mức tối đa tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC (tương tự mức chi năm 2021), cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
-	Chủ trì cuộc họp	đồng /người /buổi	150.000	150.000	120.000	90.000	150.000	100.000	70.000	300.000	300.000	150.000	
-	Thành viên tham dự	đồng /người /buổi	80.000	80.000	70.000	50.000	80.000	60.000	40.000	200.000	200.000	100.000	
-	Các đối tượng phục vụ	đồng /người /buổi	50.000	50.000	40.000	30.000	50.000	40.000	30.000	100.000	100.000	50.000	
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:												
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:												Xây dựng theo nguyên tắc bằng cấp tỉnh bằng mức tối đa tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC (tương tự mức chi năm 2021), cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng /người /buổi	200.000	150.000	100.000	60.000	200.000	140.000	100.000	300.000	300.000	150.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 102/2020/TT-BTC	Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang			Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang			Thông tư số 87/2025/TT-BTC	Mức chi dự kiến		Thuyết minh
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã	
A	B	l	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng /người /buổi	100.000	80.000	60.000	40.000	100.000	80.000	60.000	200.000	200.000	100.000	
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:												
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát:	đồng /người /buổi	80.000	60.000	40.000		80.000	70.000	50.000	150.000	150.000	75.000	
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng /người /buổi	50.000	40.000	30.000		50.000	40.000	30.000	100.000	100.000	50.000	
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			500.000	300.000	200.000							Mức chi năm 2021 của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang không tương đồng, trong đó mức của tỉnh Hà Giang bằng 1/5 mức chi của tỉnh Tuyên Quang, do đó xây dựng mức chi trên cơ sở mức chi quy định của 02 tỉnh;cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát;	đồng/ báo cáo	2.500.000	Không quy định chi tiết			2.500.000	2.000.000	1.500.000	5.000.000	3.000.000	1.500.000	
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/ báo cáo	2.500.000				2.500.000	2.000.000	1.500.000	7.000.000	4.000.000	2.000.000	
-	Mức chi tham gia ý kiến (tối đa không quá 03 lần/ báo cáo)	đồng/ người /lần	100.000 - 300.000 đồng/người/lần				200.000	150.000	100.000	100.000 - 300.000 đồng/người/lần;tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản			
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/ báo cáo	600.000				600.000	450.000	300.000	1.000.000			Đề xuất không quy định
4	Chi xây dựng văn bản												
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC	Thực hiện theo Nghị quyết số 110/2017/NQ-HĐND 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang			Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang			Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Số thứ tự 16 Phụ lục II Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của HĐND tỉnh	
b	Chi xây dựng các văn bản (không bao gồm văn bản QPPL)												
-	Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)		2.000.000	6.000.000	5.000.000	4.000.000				3.000.000	3.000.000	1.500.000	Mức chi, phân loại báo cáo năm 2021 của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang không tương đồng, trong đó mức chi của văn bản khác của tỉnh Hà Giang bằng 1/5 mức chi của Trung ương, do đó xây dựng mức chi trên cơ sở mức chi quy định của 02 tỉnh;cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
-	Xây dựng văn bản không bao gồm báo cáo tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	đồng/văn bản	2.000.000	400.000	250.000	150.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000	3.000.000	600.000	300.000	
-	Mức chi tham gia ý kiến bằng văn bản	đồng/ người/ báo cáo	100.000 đồng - 300.000 đồng/người/lần				200.000	150.000	100.000	100.000 - 300.000 đồng/người/lần;tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản			
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử												
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:												Xây dựng mức chi theo tốc độ tăng giữa Thông tư số 87/2025/TT-BTC với Thông tư số 102/2020/TT-BTC; cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
-	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử	đồng/người/ tháng	2.200.000	1.600.000	1.100.000	700.000	1.500.000	1.200.000	750.000	3.300.000	2.200.000	1.100.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 102/2020/TT-BTC	Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang			Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang			Thông tư số 87/2025/TT-BTC	Mức chi dự kiến		Thuyết minh
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-	Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.000.000	1.300.000	900.000	600.000	1.300.000	1.000.000	670.000	3.000.000	2.000.000	1.000.000	
-	Thành viên tổ giúp việc	đồng/người/tháng		1.100.000	700.000	500.000	Không quy định			2.700.000	1.800.000	900.000	
-	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử			Bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử: Thời gian hỗ trợ tối đa 04 tháng (Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ hưởng mức bồi dưỡng cao nhất)			Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử tính từ thời gian Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ.			Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử tính từ thời gian Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ.		
b	Bồi dưỡng đối với các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	đồng/người/ngày	100.000	80.000	60.000	50.000	80.000	60.000	50.000	200.000	160.000	80.000	Xây dựng mức chi theo tốc độ tăng giữa Thông tư số 87/2025/TT-BTC với Thông tư số 102/2020/TT-BTC; cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
	Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trưng tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/ người/tháng	1.500.000	1.200.000	900.000	750.000	1.000.000	700.000	500.000	3.000.000	2.400.000	1.200.000	Xây dựng mức chi tính đủ 15 ngày theo mức bồi dưỡng 01 ngày
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	150.000	100.000	80.000	60.000	150.000			300.000	250.000	125.000	Xây dựng mức chi theo tốc độ tăng giữa Thông tư số 87/2025/TT-BTC với Thông tư số 102/2020/TT-BTC trên cơ sở mức chi bình quân của 02 tỉnh năm 2025; cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử												Xây dựng mức chi theo tốc độ tăng giữa Thông tư số 87/2025/TT-BTC với Thông tư số 102/2020/TT-BTC trên cơ sở mức chi bình quân của 02 tỉnh năm 2025; cấp xã bằng 50% cấp tỉnh
a	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban	đồng/ người/tháng	500.000	300.000	250.000	150.000	100.000			500.000	200.000	100.000	
b	Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ trưởng, tổ phó tổ giúp việc			200.000	150.000	100.000				500.000	150.000	75.000	
c	Thành viên các tiểu ban, tổ giúp việc			150.000	100.000	70.000				500.000	125.000	62.500	
d	Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động	đồng/ người/tháng	300.000	Không quy định			80.000			300.000			Đề xuất không quy định

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 102/2020/TT-BTC	Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang			Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang			Thông tư số 87/2025/TT-BTC	Mức chi dự kiến		Thuyết minh
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
d	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động			Thời gian hỗ trợ tối đa là 04 tháng (Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ hưởng một mức hỗ trợ)			Từ thời điểm Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 5 tháng.			Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Từ thời điểm Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 4 tháng.		
7	Khoản chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử	đồng/ người/ điểm	Không quy định	Không quy định			Không quy định			5.000.000	1.000.000		Dự kiến sử dụng nhà văn hóa của thôn, tổ dân phố (không phải thuê), hỗ trợ phần trang trí (maket), nước uống
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử												Xây dựng mức chi theo tốc độ tăng giữa Thông tư số 87/2025/TT-BTC với Thông tư số 102/2020/TT-BTC trên cơ sở mức chi bình quân của 02 tỉnh năm 2025; cấp xã bằng khoản 75-80% cấp tỉnh
a	Người được giao trực tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	80.000	60.000			80.000	70.000	60.000	150.000	130.000	100.000	
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	60.000	50.000			60.000	50.000	40.000	100.000	80.000	60.000	
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/ người/ buổi	50.000	40.000			60.000	50.000	40.000	50.000	50.000	40.000	
9	Chi đóng hòm phiếu												
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ hòm phiếu	350.000	350.000			350.000			500.000	500.000		Xây dựng bằng mức Thông tư số 87/2025/TT-BTC
10	Chi khắc dấu												
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ dấu	250.000	250.000			250.000			400.000	400.000		Xây dựng bằng mức Thông tư số 87/2025/TT-BTC, theo đơn giá khắc dấu khoảng 385.000đ/ dấu
11	Chi bằng niêm yết danh sách bầu cử												
	Trường hợp chưa có bằng niêm yết, hoặc bằng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/ bảng	1.500.000	1.200.000			1.000.000			1.500.000	1.200.000		Xây dựng bằng mức chi năm 2021 của tỉnh Hà Giang, do mức chi của Thông tư số 87/2025/TT-BTC không thay đổi so với năm 2021
12	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử						Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.			Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		
13	Chi công tác tuyên truyền, in ấn									Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.		
14	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử									Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Sở Nội vụ	Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Sở Nội vụ		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 102/2020/TT-BTC	Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang			Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang			Thông tư số 87/2025/TT-BTC	Mức chi dự kiến		Thuyết minh
				Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh	Cấp xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
15	Các nội dung chi khác chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác						Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện; Các trường hợp đặc biệt phát sinh vượt quá thẩm quyền của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định.	Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		
16	Chi hỗ trợ cho địa điểm bỏ phiếu thực hiện công tác bầu cử									Không quy định cụ thể			Hỗ trợ theo nội dung chi quy định tại khoản 10 Điều 3 Thông tư số 87/2025/TT-BTC
	Văn phòng phẩm						1.000.000				1.000.000		
	Chi phụ vụ bầu cử (Trang trí khánh tiết, loa đài,...)	đồng/địa điểm bỏ phiếu					850.000				850.000		
	Nước uống						150.000				150.000		
17	Hỗ trợ công tác vận chuyển, quản lý và kiểm phiếu bầu	đồng/địa điểm bỏ phiếu	Không quy định				200.000			Không quy định cụ thể			
18	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử						Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt			Thuộc nội dung 15			
II	MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA ĐỊA PHƯƠNG												
1	Bồi dưỡng cho Ban chỉ đạo bầu cử: Thời gian hỗ trợ tối đa là 04 tháng												
	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo áp dụng như mức chi tại mục 4, phần I tại phụ lục này	đồng/ người/ tháng		1.800.000	1.200.000	800.000							
2	Dịch vụ công cộng, văn phòng phẩm và chi khác					2.000.000							
3	Khánh tiết, tăng âm loa đài tại tổ bầu cử					2.000.000							